

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SCT-KHTCTH
V/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế
- xã hội, an ninh quốc phòng năm 2021

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại

Thực hiện văn bản số 1382/SKHĐT-TH ngày 17/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Để kịp thời xây dựng Kế hoạch, Giám đốc yêu cầu các phòng chuyên môn, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện các nội dung sau:

1. Đánh giá đúng thực chất ước tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của phòng, đơn vị trực thuộc Sở năm 2020, trong đó phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, thu hút và cải thiện môi trường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan; nhiệm vụ và giải pháp trong những tháng cuối năm.

2. Dự báo những cơ hội, khó khăn đối với sự phát triển để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

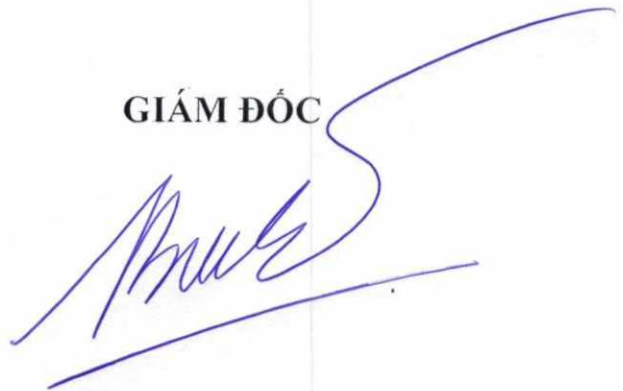
(Kèm theo văn bản số 1382/SKHĐT-TH ngày 17/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đề cương chi tiết và phụ biểu).

Yêu cầu các Phòng, đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và gửi về Phòng Kế hoạch-Tài chính-Tổng hợp trước ngày 29/6/2020, file mềm theo địa chỉ mail: gialaitid@yahoo.com.vn hoặc khth.sct@gialai.gov.vn để Phòng tổng hợp, trình Lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư. *Trần Văn Thọ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1382 /SKTĐT-TH

V/v Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc
phòng năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành
- UBND các huyện, thị xã, thành phố
- Các Công ty TNHH MTV do nhà nước làm
chủ sở hữu

Để kịp thời xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là các Sở, ngành và địa phương) và các Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu các nội dung như sau:

1. Các Sở, ngành và địa phương tổ chức đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2020, trong đó phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch tái cơ cấu kinh tế, thực hiện 3 đột phá chiến lược trên nền tảng của cuộc các mạng công nghiệp lần thứ 4; thu hút và cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tài nguyên môi trường, quốc phòng, an ninh; các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan; nhiệm vụ và giải pháp trong những tháng cuối năm. Đối với tình trạng thiên tai, dịch bệnh, các Sở, ngành và địa phương tập trung đánh giá, thống kê thiệt hại cụ thể đối với sản xuất và đời sống nhân dân, bám sát tình hình để dự báo và có những giải pháp phục hồi phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

2. Dự báo tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

3. Trên cơ sở kết quả đã đạt được và dự báo tình hình trong nước và thế giới, căn cứ Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; các điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; các Sở, ngành và địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

4. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025; Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025.

5. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

6. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

7. Nội dung báo cáo kế hoạch: (có đề cương hướng dẫn kèm theo).

- Các Sở, ngành và địa phương chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với ngành Thống kê để tính toán các chỉ tiêu trong biểu mẫu.

- Lập biểu mẫu đúng với biểu mẫu hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, mục nào không có thì để trống; các địa phương không tính chỉ tiêu GRDP (theo giá so sánh 2010) mà chỉ tính chỉ tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010.

(Biểu mẫu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 được đăng tại website: skhdt.gialai.gov.vn).

Đề nghị các Sở, ngành và địa phương gửi văn bản gốc theo đường Công văn và gửi file mềm theo địa chỉ mail: thkhgialai@gmail.com; vxkhdt@gmail.com; ktn.skhdt.gialai@gmail.com; về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/6/2020 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và báo cáo với Bộ, ngành Trung ương.

Ghi chú: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hướng dẫn bổ sung khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các phòng và trung tâm;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, TH.

GIÁM ĐỐC



Hồ Phước Thành

Ký bởi: Hồ Phước Thành
Email: thanhhp.skhdtd@gialai.gov.vn
Cơ quan: Sở Kế hoạch Đầu tư, Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 17.06.2020
17:39:46 +07:00

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020
VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2021

Phần thứ nhất

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020 và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

I. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm 2020

1. Về tình hình phòng chống dịch Covid-19 và xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch phục hồi, tăng trưởng kinh tế sau dịch.

2. Về thực hiện các Nghị quyết 41,42,48 của Chính phủ

3. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

4. Về ổn định kinh tế và kiểm soát lạm phát

a) Về chỉ số giá tiêu dùng

b) Về tín dụng

c) Về thu chi ngân sách nhà nước

5. Về tình hình sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

a) Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Đánh giá giá trị sản xuất theo từng ngành nông nghiệp (nêu rõ giá trị sản xuất của ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản; cần phân tích, nhấn mạnh các ngành, sản phẩm tăng trưởng vượt trội, các ngành, sản phẩm tăng trưởng thấp và còn nhiều hạn chế; các giải pháp, chính sách đã triển khai để khắc phục. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Về sản xuất công nghiệp: Đánh giá giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; cần phân tích, nhấn mạnh các sản phẩm mới, các ngành, sản phẩm tăng trưởng vượt trội, các ngành, sản phẩm tăng trưởng thấp và còn nhiều hạn chế. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) 6 tháng đầu năm; các giải pháp, chính sách đã triển khai để khắc phục.

c) Về khu vực thương mại, dịch vụ:

- Giá trị sản xuất ngành dịch vụ, tốc độ tăng trưởng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

- Xuất khẩu, nhập khẩu: (Kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu).

- Giao thông vận tải: (Khối lượng hàng hóa vận chuyển, hành khách vận chuyển, doanh thu).

- Thông tin, truyền thông: (Dịch vụ bưu chính..., doanh thu)

- Du lịch: (tổng số khách đến tỉnh, huyện, thị xã, thành phố..., doanh thu)
- Các dịch vụ khác.

6. Cụ thể hóa các văn bản của Đảng và nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

7. Về phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

8. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; cơ cấu vốn theo thành phần kinh tế.
- Thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.
- Các công trình dự án trọng điểm đầu tư, tiến độ đầu tư.

9. Về môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh.

10. Về thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (nêu tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực).

11. Về các lĩnh vực xã hội

- Giáo dục đào tạo
- Khoa học và công nghệ
- Tình hình lao động, việc làm
- Công tác an sinh xã hội
- Chăm sóc sức khỏe nhân dân
- Về hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

12. Về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

13. Về Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

14. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương
- Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội
- Công tác đối ngoại

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020.

1. Dự báo tình hình kinh tế thế giới

2. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước, trong tỉnh thời gian tới
III. Ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Đạt, không đạt so với Kế hoạch
			Kế hoạch	Ước TH 6 tháng cuối năm 2020	Ước TH năm 2020	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (theo giá SS 2010) (1)	%				
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%				
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%				
-	Ngành dịch vụ	%				
-	Thuế sản phẩm	%				
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trong tỉnh (theo giá hiện hành) (2)	%				
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%				
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%				
-	Ngành dịch vụ	%				
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng				
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (số lũy kế)	Tiêu chí				
5	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng				

6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD				
7	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng				
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng				
II	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI					
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%				
2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người				
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%				
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020)	%				
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%				
-	Mức giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%				
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với các huyện nghèo	%				
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%				
5	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi THCS	%				
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%				
7	Số giường bệnh/vạn dân	%				
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%				

10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%				
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su)	%				
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%				
3	Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch	%				
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%				
5	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%				

* **Ghi chú:** Ghi rõ tổng số các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2020 đạt, không đạt, lý do không đạt; Các chỉ tiêu có khả năng vượt kế hoạch nếu có sự phấn đấu của các ngành, các cấp.

(1),(2) Ở huyện, thị xã, thành phố tính theo giá trị sản xuất.

IV. Một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2020

1. Lĩnh vực kinh tế
2. Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể
3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội
4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

PHẦN THỨ II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 2021

I. Dự báo bối cảnh thế giới, trong nước và trong tỉnh ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2021.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

1. Mục tiêu tổng quát

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua, dự ước năm 2020 đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đã được HĐND tỉnh thông qua, dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 như sau:

a) Các chỉ tiêu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng% so với năm 2020 (cấp huyện tính theo giá trị sản xuất).

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng% so với năm 2020.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm% GRDP.

Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021 là xã.

b) Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm%, riêng các huyện nghèo giảm%.

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt%.

Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt giường.

Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt%

c) Các chỉ tiêu môi trường

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt%.

Tỷ lệ che phủ rừng đạt%.

Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch đạt%.

Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt%.

Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt%.

Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt%.

III. Dự kiến một số cân đối của tỉnh năm 2021

1. Lao động và việc làm

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng nghìn người.

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế quốc dân dự kiến là nghìn người.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản dự kiến là%; công nghiệp xây dựng là%; dịch vụ%.

- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước

- Tổng thu cân đối NSNN năm 2021 dự kiến là tỷ đồng. Dự kiến các khoản thu chủ yếu.

- Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2021 dự kiến khoảng tỷ đồng.

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

- Dự kiến khả năng huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2021 khoảng tỷ đồng, bằng khoảng% GRDP. Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

+ Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn TPCP, bội chi ngân sách địa phương, xổ số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp) khoảng tỷ đồng, chiếm% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

+ Vốn Trái phiếu Chính phủ khoảng tỷ đồng, chiếm% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

+ Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khoảng tỷ đồng, chiếm% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

+ Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân khoảng tỷ đồng, chiếm% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

+ Dự kiến ký kết hiệp định vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài khoảng tỷ đồng, chiếm% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

4. Cân đối xuất nhập khẩu

- Xuất khẩu năm 2021 dự kiến đạt khoảng triệu USD, tăng% so với năm 2020.

- Nhập khẩu năm 2021 dự kiến đạt khoảng triệu USD, tăng% so với năm 2020.

5. Cân đối về điện

Điện sản xuất và mua năm 2021 là kWh, tăng% so với năm 2020.

6. Cân đối về lương thực

Dự kiến kế hoạch gieo cấy lương thực năm 2021 là ha, tăng%; tổng sản lượng lương thực tấn, tăng%.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

VI. KIẾN NGHỊ

* (Ghi chú: Riêng các huyện, TX, TP lập báo cáo theo đúng đề cương trên), đối với các sở, ban, ngành thay đổi bố cục cho phù hợp).

Biểu số 4

CÁC CHỈ TIÊU CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020				Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2021 so với thực hiện 2020 (%)
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	Ước thực hiện cả năm 2020	Ước thực hiện 2020 so với thực hiện 2019 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
A	CÔNG NGHIỆP								
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%							
	- Công nghiệp khai khoáng	%							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%							
2	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng							
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng							
3	Một số sản phẩm chủ yếu:								
1	Điện SX trên địa bàn	Tr. kwh							
2	Đường	Tấn							
3	Nước quả ép	Ngàn lít							
4	Tinh bột Sắn	Tấn							
5	Gỗ dán ván MDF	M3							
6	Quả và hạt khô	Tấn							
7	Phân Vi sinh	Tấn							
8	Sản phẩm sữa	Ngàn lít							
9	Chè các loại	Tấn							
10	Sản phẩm cơ khí các loại	Tấn							
12	...								
B	DỊCH VỤ								
I	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
II	Số chợ trên địa bàn tỉnh	Chợ							
	- Số xã có chợ	Xã							
III	Số hộ sử dụng điện	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%							
C	XUẤT NHẬP KHẨU								
I	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD							
1	Cà phê	Tấn							
	Giá trị	Tr.USD							
2	Mủ cao su	Tấn							

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020				Kế hoạch năm 2021 .	Kế hoạch 2021 so với thực hiện 2020 (%)
				Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	Ước thực hiện cả năm 2020	Ước thực hiện 2020 so với thực hiện 2019 (%)		
	Giá trị	Tr.USD							
3	Sản lát	Tấn							
	Giá trị	Tr.USD							
4	Gỗ tinh chế	Tr.USD							
5	Hàng khác	Tr.USD							
II	Tổng Kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD							